

Số: 2513/TB-DHTN

Đắk Lắk, ngày 13 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc xét nâng lương thường xuyên, tăng phụ cấp thâm niên vượt khung (từ 01/6/2022 đến 31/12/2022), nâng lương trước thời hạn để nghỉ hưu và nâng lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2022

Kính gửi: **Lãnh đạo các đơn vị**

Căn cứ Nghị định 17/2013/NĐ-CP ngày 19/2/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều ND 204/2004/ND-CP về chế độ tiền lương;

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/07/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư 03/2021/TT-BNV, ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư số 01/VBHN-BNV, ngày 02/05/2022 văn bản hợp nhất của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-ĐHTN-TCCB ngày 01/7/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành quy chế nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ,

Hiệu trưởng thông báo đến các đơn vị, viên chức và người lao động về tiêu chuẩn xét nâng lương thường xuyên, tăng phụ cấp thâm niên vượt khung (từ 01/6/2022 đến 31/12/2022), nâng lương trước thời hạn để nghỉ hưu và nâng lương trước thời hạn do đạt thành tích xuất sắc năm 2022 như sau:

1. Nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt 2 năm 2022

1.1. Điều kiện để nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung

- Thời gian:

- + Đủ 24 tháng đối với viên chức và người lao động (VC, NLĐ) loại B, C, hạng IV;
- + Đủ 36 tháng đối với VC loại A, hạng I, II, III;
- + Đủ 12 tháng đối với VC, NLĐ đã hưởng phụ cấp vượt khung từ 5% trở lên.

- Điều kiện: Xếp loại VC, NLĐ: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng bậc lương đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp).

1.2. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên: Thực hiện theo điểm c, khoản 1, Điều 2, Thông tư 08/2013/TT-BNV, ngày 31/7/2013 và khoản 3, Điều 1 Thông tư 03/2021 của Bộ Nội vụ, gồm:

- Thời gian tập sự;
- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;
- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;
- Thời gian VC, NLĐ đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ;
- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam;

- Thời gian thử thách đối với VC, NLĐ bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

1.3. Trường hợp bị kéo dài thời gian nâng bậc lương: Thực hiện theo khoản 5, Điều 1, Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức quản lý.
- Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: VC bị kỷ luật cảnh cáo; NLĐ bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; VC, NLĐ xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm;
- Kéo dài 03 tháng đối với VC bị kỷ luật khiển trách.

Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài theo quy định.

Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng.

2. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu:

VC, NLĐ đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư 08/2013; khoản 4, Điều 1, Thông tư 03/2021/TT-BNV, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn bằng số tháng còn thiếu này.

3. Nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức có thành tích xuất sắc

3.1. Điều kiện:

- Thời gian: tính đến ngày 31/12/2022 còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng.
- Xếp loại viên chức: Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng lương trước thời hạn).

3.2. Thành tích: Đạt 1 trong các thành tích sau:

+ Đối với viên chức hạng I, II, III hoặc viên chức loại A:

- 01 lần được công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp Bộ;
- 02 lần được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;
- 02 Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh (hoặc tương đương);
- 01 Bằng khen cấp Bộ, tỉnh (hoặc tương đương) và 02 Giấy khen cấp trường (hoặc các tổ chức tương đương);
- 01 Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và 03 Giấy khen cấp trường (hoặc các tổ chức tương đương);
- 04 Giấy khen cấp trường hoặc các tổ chức tương đương.

+ Đối với viên chức hạng IV hoặc viên chức loại B,C:

- 01 lần được công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp Bộ;
- 01 Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương;
- 01 lần được công nhận Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;
- 03 Giấy khen cấp trường hoặc các tổ chức tương đương.

*** Ghi chú:**

- Mỗi năm chỉ được lấy **01 thành tích cao nhất** để xét; Phải có thành tích tại năm xét nâng lương trước thời hạn.

- Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định **trong 6 năm (2017-2022)** đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ Đại học trở lên và **4 năm (2019-2022)** đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ Cao đẳng trở xuống.

- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Bằng khen cấp Bộ, Tỉnh (hoặc tương đương) chỉ được tính trọn **khi thành tích tích lũy chưa được dùng để nâng lương trước thời hạn**.

- Thành tích đã dùng để nâng bậc lương trước thời hạn thì không được tính để xét nâng bậc lương cho lần sau.

- Thời gian xác định khen thưởng:

+ Thời điểm ký quyết định khen thưởng;

+ Hoặc năm thành tích đạt được (đối với Giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm).

3.3. Đối tượng:

- VC, NLĐ có thời gian công tác tại Trường từ **7 năm trở lên đối với nữ và 10 năm trở lên đối với nam** (đối với VC, NLĐ là người dân tộc thiểu số được giảm 2 năm thâm niên công tác so với quy định này).

- Không xét đối với người lao động hợp đồng công việc (khoản lương); VC, NLĐ đã được nâng lương trước thời hạn ở bậc lương hiện hưởng.

3.4. Thủ tục (hồ sơ) xét nâng bậc lương trước thời hạn:

- Cá nhân tự viết đơn đề nghị được nâng bậc lương trước thời hạn (theo mẫu).

- Lãnh đạo và công đoàn các đơn vị có cá nhân đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn tổ chức họp xét và trích **biên bản** (theo mẫu) kèm theo **đơn** và **minh chứng** (chiến sỹ thi đua, bằng khen, giấy khen... photo) của cá nhân, nộp về phòng TCCB.

3.5. Về số lượng: Căn cứ vào số lượng đề xuất, Hội đồng lương của Trường sẽ xét:

- Không vượt quá 10% tổng số VC, NLĐ trong biên chế của Trường.

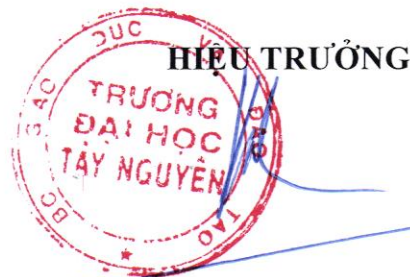
- Nếu số lượng vượt quá quy định 10%, Hội đồng sẽ xét theo các tiêu chuẩn từ cao xuống thấp và đóng góp của VC, NLĐ đối với Nhà trường.

Danh sách Dự kiến viên chức đủ tiêu chuẩn nâng bậc lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn đề nghị hưu được đăng tải trên website của Trường.

Nhận được thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể viên chức và triển khai thực hiện. Hồ sơ đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn và những ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức cán bộ **trước ngày 21 tháng 12 năm 2022** (gặp đ/c Loan, SĐT: 0965523579).

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- VP Công đoàn;
- TT. Thông tin (để đăng website của Trường);
- Lưu: VT, P.TCCB, HĐ lương.



TS. Nguyễn Thanh Trúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2022

Kính gửi: - Hội đồng xét nâng lương Trường Đại học Tây Nguyên.
- Tập thể lãnh đạo(đơn vị);

Tôi tên:.....
Chức danh/chức vụ:.....
Đơn vị công tác:.....
Thời gian công tác tại Trường (từ tháng, năm):.....
Ngạch viên chức/hạng chức danh nghề nghiệp:..... Mã ngạch/mã chức danh:.....

Hiện hưởng bậc lương:, hệ số:....., mốc tính nâng lương lần sau:.....

Căn cứ Thông báo số/TB-ĐHTN, ngày...../12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc xét nâng lương trước thời hạn năm 2022,

Trong thời gian từ ngày 01/01/..... đến ngày 31/12/2022, hàng năm tôi đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đạt các thành tích sau (kèm minh chứng):

-
-
-
-

Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, tôi làm đơn này kính đề nghị Lãnh đạo, Công đoàn.....(đơn vị), Hội đồng lương xét cho tôi được nâng bậc lương trước thời hạn tháng.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2022

Người làm đơn

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2022

**BIÊN BẢN HỌP XÉT NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN
NĂM 2022**

1. Thời gian:

Địa điểm:

2. Thành phần:

Chủ trì:

Thư ký:

3. Nội dung: Xét nâng bậc lương trước thời hạn năm 2022 đối với các VC, NLĐ:

+.....

+

+.....

Đ/c (chủ trì) thông qua các điều kiện nâng lương trước thời hạn theo Thông báo số/TB-ĐHTN/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

Xét đơn đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn của các VC, NLĐ (nêu tên, đơn và thành tích).

Ý kiến thảo luận, đánh giá, nhận xét từng VC, NLĐ:

Cuộc họp kết luận đề nghị Hội đồng lương Trường xét nâng lương trước thời hạn, cụ thể:

+(họ, tên), đề nghị được nâng lương trước thời hạn tháng;

+(họ, tên), đề nghị được nâng lương trước thời hạn tháng;

+(họ, tên), đề nghị được nâng lương trước thời hạn tháng.

Biên bản đã được thông qua cuộc họp và thống nhất%.

Cuộc họp kết thúc vào lúc giờ cùng ngày./.

Thư ký
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục

DANH SÁCH DỰ KIẾN VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN, TĂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG, NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ HƯU, TÍNH ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số: 2513 /TB-ĐHTN, ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Đơn vị	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương						Kết quả nâng bậc lương tính đến 31/12/2022						Ghi chú
		Nam	Nữ		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (Mã số)	Bậc lương sau nâng bậc	Hệ số lương mới được nâng bậc	Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau	Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch)	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I. VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																	
1	Thân Trọng Quang	12/12/1963		K Y Dược	PGS.TS	V.07.01.01	2	6.56	0	14/11/2019	V.07.01.01	3	6.92	0	01/11/2022	0.36	
I. VIÊN CHỨC ĐỀ NGHỊ BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC KHI NGHỈ HƯU																	
2	Văn Tiến Dũng	16/01/1963		P KH&QHQT	PGS.TS	V.07.01.01	2	6.56	0	01/07/2020	V.07.01.01	3	6.92	0	01/11/2022	0.36	hưu 11/2023
I. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN																	
3	Phạm Thị Lan		29/11/1980	Bệnh viện	THCN	V.08.06.16	7	3.06	0	01/10/2020	V.08.06.16	8	3.26	0	01/10/2022	0.20	
4	Phạm Văn Quảng	19/05/1976		Bệnh viện	Sơ cấp	16.128	7	2.73	0	01/11/2020	16.128	8	2.91	0	01/11/2022	0.18	
5	Trần Thị Lê Quyên		19/02/1985	Bệnh viện	Đại học	V.08.07.19	7	3.06	0	01/10/2020	V.08.07.19	8	3.26	0	01/10/2022	0.20	
6	Vũ Kim Tuyền		12/12/1986	Bệnh viện	THCN	V.08.08.23	7	3.06	0	01/09/2020	V.08.08.23	8	3.26	0	01/09/2022	0.20	
7	Nông Ngọc Sơn	02/02/1988		Bệnh viện	THCN	V.08.05.13	6	2.86	0	01/09/2020	V.08.05.13	7	3.06	0	01/09/2022	0.20	
8	Nguyễn Thị Thủy Trang		15/08/1989	Bệnh viện	THCN	V.08.05.13	5	2.66	0	03/07/2020	V.08.05.13	6	2.86	0	03/07/2022	0.20	
9	Lê Thị Phụng		10/08/1988	Bệnh viện	THCN	V.08.05.13	5	2.66	0	03/07/2020	V.08.05.13	6	2.86	0	03/07/2022	0.20	
10	Trần Thị Thủy Dung		07/06/1989	Bệnh viện	THCN	V.08.05.13	5	2.66	0	03/07/2020	V.08.05.13	6	2.86	0	03/07/2022	0.20	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
11	Nguyễn Thị Thanh Bình		28/02/1975	Bệnh viện	Cử nhân	01.003	2	2.67	0	01/12/2019	01.003	3	3.00	0	01/12/2022	0.33
12	Nguyễn Đăng Hoàng Thi		24/04/1981	Bệnh viện	Cử nhân	0.1003	3	3.00	0	01/12/2019	0.1003	4	3.33	0	01/12/2022	0.33
13	Lê Thị Phương		12/10/1969	Bệnh viện	Bác sỹ	V.08.01.03	5	3.66	0	01/08/2019	V.08.01.03	6	3.99	0	01/08/2022	0.33
14	Vũ Tiến Quang	24/06/1963		K. CN-TY	Tiến sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	01/12/2019	V.07.01.02	8	6.78	0	01/12/2022	0.34
15	Mai Thị Thu Hiền		08/07/1974	K. CN-TY	Đại học	V.05.02.07	6	3.99	0	01/11/2019	V.05.02.07	7	4.32	0	01/11/2022	0.33
16	Lương Huỳnh Việt Thắng	24/03/1983		K. CN-TY	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2022	0.33
17	Huỳnh Thị Hồng Ngọc		24/04/1979	K. CN-TY	Thạc sỹ	V.05.02.07	4	3.33	0	04/11/2019	V.05.02.07	5	3.66	0	01/11/2022	0.33
18	Đoàn Thị Cơ Thường		01/09/1980	K.KHTN&CN	THCN	V.05.02.08	10	3.66	0	01/09/2020	V.05.02.08	11	3.86	0	01/09/2022	0.20
19	Trương Thị Hương Giang		02/10/1984	K.KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2022	0.33
20	Nguyễn Thị Ngọc Bích		13/08/1984	K.KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2022	0.33
21	Phạm Hữu Khánh	25/10/1975		K.KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.02	4	5.42	0	01/08/2019	V.07.01.02	5	5.76	0	01/08/2022	0.34
22	Lê Minh Tân	12/04/1982		K.KHTN&CN	Tiến sỹ	V.07.01.03	6	3.99	0	01/11/2019	V.07.01.03	7	4.32	0	01/11/2022	0.33
23	Nguyễn Văn Hóa	20/07/1966		K. Kinh tế	Tiến sỹ	V.07.01.02	4	5.42	0	01/08/2019	V.07.01.02	5	3.66	0	01/08/2022	-1.76
24	Thân Thị Hiền Giang		23/10/1976	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	8	4.65	0	01/10/2019	V.07.01.03	9	4.98	0	01/10/2022	0.33
25	Hồ Ngọc Đoàn Thư		17/11/1976	K. Ngoại ngữ	Thạc sỹ	V.07.01.03	8	4.65	0	01/07/2019	V.07.01.03	9	4.98	0	01/07/2022	0.33
26	Mai Thị Kim Tuyền		02/12/1969	K NLN	Đại học	V.05.02.07	9	4.98	0	01/07/2019	V.05.02.07	9	4.98	5	01/07/2022	0.00
27	Nguyễn Đức Định	10/11/1965		K NLN	Thạc sỹ	V.07.01.02	6	6.10	0	01/07/2019	V.07.01.02	7	6.44	0	01/07/2022	0.34
28	Võ Hùng	14/10/1963		K NLN	Tiến sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	01/10/2019	V.07.01.02	8	6.78	0	01/10/2022	0.34
29	Nguyễn Tuấn	18/11/1985		K NLN	Thạc sỹ	V.07.01.03	3	3.00	0	03/09/2019	V.07.01.03	4	3.33	0	01/09/2022	0.33
30	Đặng Thành Nhân	10/03/1965		K NLN	Tiến sỹ	01.002	4	5.42	0	01/07/2019	01.002	5	5.76	0	01/07/2022	0.34
31	Nguyễn Thị Đào		16/11/1986	K NLN	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	01/12/2019	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2022	0.33
32	Phan Thị Tâm Thanh		04/09/1977	K. Sư phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4.32	0	01/12/2019	V.07.01.03	8	4.65	0	01/12/2022	0.33
33	Trần Thị Lệ		22/10/1982	K. Sư phạm	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/09/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/09/2022	0.33
34	Nguyễn Đăng Đức	12/02/1963		K Y Dược	Tiến sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	01/10/2019	V.07.01.02	8	6.78	0	01/10/2022	0.34
35	Nguyễn Thị Bích Thủy		09/11/1973	K Y Dược	BSKCI	V.07.01.03	8	4.65	0	01/10/2019	V.07.01.03	9	4.98	0	01/10/2022	0.33
36	Võ Thị Kim Quyên		06/09/1981	K Y Dược	BSKCI	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2022	0.33
37	Nguyễn Thị Lệ Quyên		03/07/1993	K Y Dược	Đại học	V.08.07.19	3	2.26	0	04/07/2020	V.08.07.19	4	2.46	0	01/07/2022	0.20

1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
38	Hoàng Thị Ánh Tuyết		02/08/1987	K Y Dược	Đại học	V.08.07.19	6	2.86	0	01/08/2020	V.08.07.19	7	3.06	0	01/08/2022	0.20	
39	Nguyễn Quốc Cường	11/05/1991		K Y Dược	THCN	V.08.07.19	4	2.46	0	05/11/2020	V.08.07.19	5	2.66	0	01/11/2022	0.20	
40	Trịnh Duy Linh	06/04/1986		K Y Dược	Cao đẳng	V.08.07.19	2	2.06	0	01/12/2020	V.08.07.19	3	2.26	0	01/12/2022	0.20	
41	Vũ Thị Duyên		05/06/1985	K Y Dược	Cử nhân	V.08.07.18	4	3.33	0	01/10/2019	V.08.07.18	5	3.66	0	01/10/2022	0.33	
42	Trần Cẩm Duyên		05/04/1985	K Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	4	3.33	0	01/12/2019	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2022	0.33	
43	Nguyễn Thanh Thảo		12/04/1987	K Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	2	2.67	0	04/11/2019	V.07.01.03	3	3.00	0	01/11/2022	0.33	
44	Nguyễn Văn Thắng	17/05/1966		P CSVC	Cử nhân	01.003	7	4.32	0	01/07/2019	01.003	8	4.65	0	01/07/2022	0.33	
45	Trần Thiên Khôi	14/02/1982		P CSVC	Thạc sỹ	01.003	3	3.00	0	01/07/2019	01.003	4	3.33	0	01/07/2022	0.33	
46	Nguyễn Văn Ba	19/12/1992		P CSVC	Thạc sỹ	01.003	2	2.67	0	01/09/2019	01.003	3	3.00	0	01/09/2022	0.33	
47	Trần Văn Đức	02/04/1978		P CSVC	Cử nhân	01.003	6	3.99	0	01/08/2019	01.003	7	4.32	0	01/08/2022	0.33	
48	Lê Thành Công	13/07/1977		P. CTSV	Thạc sỹ	01.003	1	4.40	0	01/10/2019	01.003	2	4.74	0	01/10/2022	0.34	
49	Đinh Ta Rì Na		24/08/1971	P. CTSV	Đại học	01.003	9	4.98	0	01/07/2019	01.003	9	4.98	5	01/07/2022	0.00	
50	Mai Thị Hiền		08/08/1980	P. CTSV	Thạc sỹ	01.003	4	3.33	0	01/10/2019	01.003	5	3.66	0	01/10/2022	0.33	
51	Phan Xuân Thọ	01/10/1988		P. CTSV	Thạc sỹ	01.003	2	2.67	0	01/09/2019	01.003	3	3.00	0	01/09/2022	0.33	
52	Nguyễn Hoài Nam	14/02/1982		P. Đào tạo	Thạc sỹ	01.003	5	3.66	0	18/09/2019	01.003	6	3.99	0	01/09/2022	0.33	
53	Nguyễn Tiến Dân	18/08/1974		P. QLCL	Cử nhân	01.003	2	2.67	0	01/09/2019	01.003	3	3.00	0	01/09/2022	0.33	
54	Trần Minh Trí	10/07/1991		P. QLCL	Cử nhân	01.003	2	2.67	0	01/09/2019	01.003	3	3.00	0	01/09/2022	0.33	
55	Nguyễn Thanh Tân	20/07/1968		P. TT-PC	Tiến sỹ	V.07.01.02	4	5.42	0	01/12/2019	V.07.01.02	5	5.76	0	01/12/2022	0.34	
56	Phạm Văn Thuận	05/02/1978		P. TT&TVTS	Thạc sỹ	V.07.01.03	7	4.32	0	01/10/2019	V.07.01.03	8	4.65	0	01/10/2022	0.33	
57	Vũ Thị Giang		10/01/1977	Thư viện	Thạc sỹ	V.10.02.06	7	4.32	0	01/12/2019	V.10.02.06	8	4.65	0	01/12/2022	0.33	
58	Hoàng Thị Thúy Nga		21/05/1984	Trg THCN	Thạc sỹ	V.07.05.15	5	3.66	0	01/09/2019	V.07.05.15	6	3.99	0	01/09/2022	0.33	
59	Nguyễn Hồng Như		18/10/1984	Trg THCN	Thạc sỹ	V.07.05.15	5	3.66	0	01/09/2019	V.07.05.15	6	3.99	0	01/09/2022	0.33	
60	Vũ Thu Trang		15/08/1984	Trg THCN	Đại học	V.07.05.15	5	3.66	0	01/09/2019	V.07.05.15	6	3.99	0	01/09/2022	0.33	
61	Trần Đình Tráng	10/02/1984		Trg THCN	Cử nhân	V.07.05.15	4	3.33	0	02/11/2019	V.07.05.15	5	3.66	0	01/11/2022	0.33	
62	Phan Trung Hiếu	10/02/1978		Trg THCN	Thạc sỹ	V.07.05.15	7	4.32	0	01/11/2019	V.07.05.15	8	4.65	0	01/11/2022	0.33	
63	Nguyễn Thị Thủy		12/10/1984	TT. ĐMST	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2022	0.33	
64	Dương Công Thọ	03/05/1982		TT. HTSV	Thạc sỹ	01.003	2	2.67	0	01/09/2019	01.003	3	3.00	0	01/09/2022	0.33	

1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
65	Trương Hồng Hà	23/09/1981		V. CNSHMT	Thạc sỹ	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2019	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2022	0.33	
II. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÊM PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG																	
66	Lê Thị Kim Hồng		06/04/1968	K Y Dược	Thạc sỹ	V.07.01.03	9	4.98	0	01/11/2019	V.07.01.03	9	4.98	5	01/11/2022	5%	
67	Lê Quý Xá	01/08/1963		K Y Dược	ĐH	01003	9	4.98	5	01/10/2021	01003	9	4.98	6	01/10/2022	1	
68	Nguyễn Văn Dũng	04/07/1965		Bệnh viện	BSCCKII	V.08.01.03	9	4.98	7	01/10/2021	V.08.01.03	9	4.98	8	01/10/2022	1	
69	Nguyễn Đức Hoành	01/10/1965		Bệnh viện	CN	06031	9	4.98	7	01/11/2021	06031	9	4.98	8	01/11/2022	1	
70	Võ Văn Hào	20/10/1970		P CSVC	THCN	01007	12	3.63	14	01/10/2021	01007	12	3.63	15	01/10/2022	1	
71	Vũ Thị Hoa		08/08/1967	P CSVC	CQĐT	01009	12	2.98	26	01/10/2021	01009	12	2.98	27	01/10/2022	1	
72	Trần Văn Cao	17/08/1963		P. HCTH	CQĐT	01.005	12	3.48	12	01/10/2021	01.005	12	3.48	13	01/10/2022	1	
III. VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ HƯU																	
73	Vương Văn Thiết	10/08/1962		P. HCTH	CQĐT	01.005	11	3.30	0	01/09/2020	01.005	12	3.48	0	01/08/2022	0.18	Hưu 8/2023
74	Nguyễn Thị Thu		04/09/1967	K KHTN&CN	Thạc sỹ	V.07.01.02	6	6.10	0	01/03/2020	V.07.01.02	7	6.44	0	01/10/2022	0.34	Hưu 10/2023
75	Trần Ngọc Duyên	20/01/1963		K NLN	Tiến sỹ	V.07.01.02	7	6.44	0	01/10/2020	V.07.01.02	8	6.78	0	01/11/2022	0.34	Hưu 11/2023
76	Nguyễn Xuân An	03/02/1962		K NLN	Tiến sỹ	V.07.01.02	6	6.10	0	01/08/2021	V.07.01.02	7	6.44	0	01/08/2023	0.34	Hưu 12/2023

DS gồm 76 viên chức